

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ THANH
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/DS-ST.

Ngày: 30 - 10 - 2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Trọng Thọ
2. Ông Vũ Ngọc Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà **Nguyễn Thị L** - Sinh ngày 15/10/1953

Địa chỉ: Tổ 15, phường P1, TP. P2, tỉnh Gia Lai

Vắng mặt

2. Ông **Nguyễn Văn C** - Sinh ngày 02/07/1954

Nơi ĐKKHKT: Thôn Q - xã Vạn Thắng - N2 - Thanh Hóa

Chỗ ở hiện nay: Tổ 15, phường P1, TP. P2, tỉnh Gia Lai

Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm 1962

Địa chỉ: Số nhà 698, đường Lam S, tiểu khu Hợp Nhất, thị trấn N2, huyện N2, tỉnh Thanh Hóa

Văn bản ủy quyền ngày 12/6/2018

Có mặt

- Bị đơn:

1. Bà **Hà Thị C** - Sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn Đồng M, xã M, huyện N1, tỉnh Thanh Hoá

Có mặt

2. Ông **Bùi Văn M** - Sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn Đồng M, xã M, huyện N1, tỉnh Thanh Hoá

Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị V

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện N2 - Thanh Hóa.

Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn C và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị V đều trình bày:

Do có quen biết từ trước nên vào ngày 02/7/2017 bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn C cho chị Nguyễn Thị V cư trú tại thôn Đ, xã V, huyện N2, tỉnh Thanh Hóa vay 250.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng mục đích vay là vay hộ cho bà Hà Thị C để bà C đáo hạn ngân hàng. Đến hạn, do chị V không trả được nợ cho bà L và ông C nên ngày 02/11/2017 chị V có đưa bà C đến nhà đến nhà bà L, ông C. Tại đây, bà C đề nghị bà L, ông C và chị V chuyển nghĩa vụ trả nợ từ chị V sang cho bà C. Bà L, ông C và chị V đều đồng ý. Vì vậy giữa bà C và bà L, ông C thống nhất lại như sau: Bà Hà Thị C và chồng là Bùi Văn M vay của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn C số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng, lãi suất 1,2%/tháng. Để củng cố lòng tin đối với bà L, ông C, bà C đã gửi lại bà L, ông C một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bùi Văn Định và Bùi Thị Liên nhưng các bên không thỏa thuận về biện pháp bảo đảm nghĩa vụ trả nợ.

Bà L, ông C và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị V đều thừa nhận: Trong quá trình giao dịch, không có sự tham gia của ông Bùi Văn M. Họ tên ông M trong giấy vay tiền là do bà C tự viết vào.

Đến hạn trả nợ theo thỏa thuận, bà C không trả cho bà L, ông C được đồng nào. Do vậy bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà C, ông M phải trả cho bà 250.000.000 đồng tiền gốc, 15.000.000 tiền lãi tạm tính đến ngày 02/4/2018 và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà L và ông C không đề nghị xem xét trách nhiệm đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của ông Bùi Văn Định và bà Bùi Thị Liên

Kèm theo đơn khởi kiện, bà L, ông C đã nộp cho Tòa án giấy vay nợ ngày 02/11/2017, bảng thanh toán tiền lương của bà C và các tài liệu, chứng cứ khác liên quan đến nhân thân người khởi kiện.

Sau thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Như Thanh đã tiến hành triệu tập các bên lên làm việc, tại bản tự khai ngày 16/5/2018, bà Hà Thị C không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L, ông C. Bà trình bày: Khoảng tháng 7/2016 bà có vay của chị Nguyễn Thị V số tiền 300.000.000 đồng. Sau đó hai bên thống nhất chuyển số nợ trên cho anh S ở Đ1, xã V, huyện N2, tỉnh Thanh Hóa. Sau đó bà đã trả cho anh S được 150.000.000 đồng; số tiền còn lại, giữa bà và chị V đã giải quyết xong. Tuy nhiên, ngày 02/11/2017 khi bà đang điều trị tại bệnh viện huyện N1, thì có chị V và bà L đến yêu cầu ký vào giấy vay tiền; theo đó bà có vay của bà L và ông C số tiền 250.000.000 đồng như bà L đã trình bày. Do mới bị tai nạn, tinh thần không tỉnh táo nên bà đã tự mình ký vào giấy vay tiền nói trên. Bà cũng không thừa nhận đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L, ông C.

Ngoài bản khai ngày 16/5/2018, bà C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ và cũng không có yêu cầu phản tố về việc đã thanh toán khoản nợ của chị V cho anh Nguyễn Văn S và cho chị V.

Tòa án đã thông báo cho bà C về việc viết đơn yêu cầu phản tố nhưng bà C không phản tố. Tòa án triệu tập anh S lên làm việc nhưng không tìm được địa chỉ của anh S theo như thông tin mà bà C cung cấp. Vì vậy Tòa án đã có văn bản yêu cầu bà C cung cấp địa chỉ cụ thể của anh S. Đồng thời ra thông báo yêu cầu bà C cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của bà về việc bà đã trả khoản nợ trên cho anh Nguyễn Văn S và việc bà ký vào giấy vay tiền ngày 02/11/2017 là do bà đang điều trị tai nạn tại bệnh viện huyện N1, bản thân không được tỉnh táo. Nhưng bà C không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, cũng như thông báo hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay chỉ có mặt bà C, còn ông M vắng mặt không có lý do.

Tại bản khai ngày 24/7/2018, ông Bùi Văn Định và bà Bùi Thị Liên đều khai có cho bà C mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà C làm thủ tục đáo hạn ngân hàng, nhưng ông Định, bà Liên không cam kết sẽ trả nợ thay cho bà C. Ông, bà không biết việc bà C thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình mình cho bà L, ông C để vay tiền. Vì vậy, Ông, bà đề nghị Tòa án không xem xét trách nhiệm bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của bà C liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông, bà.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc vợ chồng bà C, ông M trả cho bà L và ông C tổng cộng số tiền 285.800.000 đồng; trong đó: 250.000.000 đồng tiền gốc, 6.000.000 đồng tiền lãi theo thỏa thuận và 29.800.000 đồng tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính từ ngày 03/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/10/2018.

Bị đơn là bà Hà Thị C không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà cho rằng bà không được trực tiếp nhận tiền từ bà L và ông C. L do bà ký vào giấy vay tiền ngày 02/11/2017 bà đã trình bày trong bản tự khai ngày 16/5/2018 và đã được bản án nêu ở phần đầu của nội dung vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị V đề nghị không xem xét trách nhiệm trả nợ của bà vì toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đó đã được các bên thống nhất chuyển cho bà Hà Thị C; giữa bà C và bà L, ông C cũng đã thỏa thuận thành một giao dịch khác.

Phần tranh luận:

Bà Nguyễn Thị T phát biểu ý kiến tranh luận:

- Bà C không trực tiếp nhận tiền từ tay bà L, ông C; nhưng quyền và nghĩa vụ của các bên trong giấy vay nợ ngày 02/11/2017 giữa bà C với bà L, ông C đã được tất cả các bên liên quan thống nhất thay thế cho hợp đồng vay tài sản trước đó giữa bà C và chị V. Vì vậy bà C phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bà theo thỏa thuận trong giấy vay tiền ngày 02/11/2017.

- Việc bà C nói: Vào thời điểm ký giấy vay tiền bà không được tỉnh táo là không chính xác. Bởi vì hôm đó bà (T) có việc đến nhà bà L và có gặp bà C. Bà C vẫn tỉnh táo và nói chuyện bình thường. Mặc khác, bà C cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ, chứng minh bà không tỉnh táo nên lời khai của bà C là không đúng thực tế.

Bà Hà Thị C phát biểu ý kiến đối đáp:

- Bà nhớ lại vào hôm ký giấy vay tiền (ngày 02/11/2017) tại nhà bà L, bà có gặp bà T. Vào thời điểm đó bà đã xuất viện được một tháng rưỡi; tình trạng sức khỏe của bà đã ổn định, tinh thần của bà đã tỉnh táo.

- Bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn vì bà không được trực tiếp nhận tiền từ bà L, ông C

Chị Nguyễn Thị V phát biểu ý kiến: Việc bà C nói vay tiền của chị vào tháng 7/2016 là không chính xác; thực chất là vay vào tháng 7/2017. Tuy nhiên, quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng vay tài sản giữa chị và bà C tháng 7/2016 đã được các bên liên quan thống nhất thay thế bằng hợp đồng vay tài sản ngày 02/11/2017 giữa bà C và bà L, ông C. Giữa chị và bà C cũng đã thống nhất xé bỏ hợp đồng cũ. Vì vậy đề nghị bà C thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho bà L, ông C theo giấy vay tiền ngày 02/11/2017

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại huyện N1, vì vậy Tòa án nhân dân

huyện Như Thanh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Sự kiện vi phạm hợp đồng xảy ra từ ngày 03/01/2018 nên vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của ông M: Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác có liên quan, nhưng ông M vẫn không có mặt tại phiên tòa hôm nay. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

[4] Hợp đồng vay tài sản ngày 02/11/2017 giữa bà L, ông C với bà C đã đảm bảo các điều kiện của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ Luật Dân sự nên hợp đồng có hiệu lực. Trong giấy vay tiền có ghi tên ông Bùi Văn M nhưng các bên đương sự đều thừa nhận ông M không tham gia giao kết hợp đồng, hai bên thống nhất ghi tên của ông trong giấy vay tiền chỉ nhằm mục đích để thể hiện người vay tài sản có chồng là Bùi Văn M. Như vậy ông Bùi Văn M không phải là chủ thể cùng tham gia giao kết hợp đồng, do đó hợp đồng không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với ông M; mà chỉ làm phát sinh toàn bộ quyền và nghĩa vụ của bên vay là bà Hà Thị C và quyền nghĩa vụ của bên cho vay là bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn C.

[5] Đối với lời khai của bà C về việc bà vay tiền của chị V, không vay tiền của bà L, ông C; việc bà ký vào giấy vay tiền ngày 02/11/2017 là vào thời điểm bà không tỉnh táo. HĐXX thấy rằng: Hợp đồng vay tài sản giữa chị V và bà L, ông C đã được các bên liên quan thỏa thuận chấp dứt để được thay thế bằng hợp đồng vay tài sản ngày 02/11/2017 giữa bà C và bà L, ông C là phù hợp với quy định tại Điều 377 và khoản 2 Điều 422 của Bộ luật Dân sự. Bà C không cung cấp được chứng cứ về việc vào thời điểm giao kết hợp đồng, bà đang nằm viện, không được tỉnh táo và bị cưỡng ép; mặt khác, tại phiên tòa bà thừa nhận vào thời điểm ký giấy vay tiền ngày 02/11/2017 bà đã xuất viện được 1,5 tháng, tình trạng sức khỏe và tinh thần đã ổn định nên không có cơ sở để chấp nhận lời khai của bà.

[6] Về quá trình thực hiện hợp đồng: Bên vay tài sản là bà C đã vi phạm toàn bộ nghĩa vụ thực hiện hợp đồng nên HĐXX xét thấy cần buộc bà C thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 351; 466 của Bộ luật Dân sự.

[7] Đối với lời khai của bà C: Trong quá trình giải quyết vụ án bà khai có vay của chị V 300.000.000 đồng, đã trả cho anh S được 150.000 đồng. Tại phiên tòa, bà khai vay của chị V 75.000.000 đồng, đã trả cho anh S cả gốc và lãi 195.000.000 đồng. HĐXX xét thấy lời khai của bà C tại các thời điểm khác nhau có nội dung

không giống nhau; bà cũng không cung cấp được chứng cứ, không có yêu cầu phản tố và cũng không cung cấp được thông tin chính xác về địa chỉ của anh S nên HĐXX không chấp nhận lời khai của bà.

[8] Về trách nhiệm dân sự, HĐXX xét thấy tính pháp lý đối với các yêu cầu của phía nguyên đơn như sau:

- Khoản tiền gốc 250.000.000 đồng là tiền bà C vay của bà L, ông C nên buộc bà C phải trả cho bà L, ông C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự

- Số tiền lãi 02 tháng theo thỏa thuận là: $250.000.000 \times 1,2\% \times 2 = 6.000.000$ đồng. Mức lãi suất này không trái với quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 và không vượt quá giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên chấp nhận yêu cầu của phía nguyên đơn về khoản tiền này.

- Số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn (9 tháng 28 ngày) chưa trả là: $250.000.000 \times 1,2\% \times 9 + 250.000.000 \times 1,2\% \times 28/30 = 29.800.000$ đồng. Số tiền này không vượt quá giới hạn quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận yêu cầu của phía nguyên đơn là phù hợp với quy định tại điểm khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[9] Về biện pháp bảo đảm: Các bên đương sự đều thừa nhận hợp đồng vay tài sản không kèm theo giao dịch bảo đảm; đồng thời không có ai có yêu cầu độc lập về giải quyết tài sản đảm bảo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] *Về án phí*: Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chịu án phí; ngược lại, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 23/12/2016 của UBTV Quốc Hội

[11] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 117; Điều 351; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 23/12/2016 của UBTV Quốc Hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn C.

Buộc bà Hà Thị C phải trả cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn C tổng số tiền: 285.800.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng); bao gồm: 250.000.000 đồng tiền gốc và 35.800.000 đồng tiền lãi.

Về án phí: Bà Hà Thị C phải chịu 14.290.000 đồng (mười bốn triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.625.000 đồng (sáu triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2015/0006856 ngày 16/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn có mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS huyện Như Thanh (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Đình Huy